TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lâp- Tư do- Hanh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 20 - 6 - 2018

V/v "*Tranh chấp xin ly hôn* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách.**
- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Bà **Huỳnh Phương Lan**;

2. Ông **Vũ Văn Hợp**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Lý Văn Toán-** *Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Ông **Lâm Sển -** *Kiểm sát viên*.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2018/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thúy L**, sinh năm: 1977 (có mặt).

HKTT: ấp Vĩnh B, xã Vĩnh H H, Ch Th, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm: 1979 (có mặt)

HKTT: ấp Rọc L, xã Tây Yên A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp Vĩnh Th B, xã V Hòa H, Ch Th, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy L trình bày: Từ năm 2009 chị L và chồng chị tên Trần Văn N yêu nhau trên cơ sở tự nguyện và 02 người có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung với nhau tại số nhà 46, tổ 9, ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

Trong quá trình chung sống chị và anh N không có con chung. Về tài sản chung thì vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dù vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không thành, đến khoảng tháng 08 năm 2017 thì vợ chồng chị ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị Huỳnh Thị Thúy L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không còn nên chị làm đơn kính gửi đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết cho chị vấn đề như sau:

- *Về hôn nhân:* Xin được ly hôn với anh Trần Văn N.

- *Về việc nuôi con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 23/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh và vợ anh tên Huỳnh Thị Thúy L trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2009 người có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng anh sống chung với nhau tại số nhà 46, tổ 9, ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

Trong quá trình chung sống anh và chị L không có con chung. Về tài sản chung thì vợ chồng anh có 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng) là số tiền bán nhà. Sau đó, anh lấy 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) trả tiền cố đất, anh lấy chi tiêu cá nhân là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), vợ anh lấy chi tiêu cá nhân 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn lại 245.000.000đ (Hai trăm bốn mươi

lăm triệu đồng). Sau đó vợ anh nói đã lấy số tiền 245.000.000đ (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng) này đem đi trả nợ chỉ còn 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) và đưa anh cất giữ. Tổng cộng, số tiền mà thực tế vợ chồng sử dụng gồm trong việc trả tiền cố đất 55.000.000đ, chi tiêu cá nhân của 02 vợ chồng là 20.000.000đ (phần của anh 10.000.000đ và của chị Lan 10.000.000đ) và anh đang giữ 37.000.000đ, tổng cộng 02 vợ chồng sử dụng là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) nên hiện tại còn lại 203.000.000đ (315.000.000đ -112.000.000đ) số tiền này hiện nay chị L đang giữ, anh N yêu cầu chia đôi số tiền này. Về nợ chung thì vợ chồng anh không có nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng anh sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng những mâu thuẫn đó nhỏ nhặt, chỉ là mâu thuẫn chuyện trong gia đình, mâu thuẫn không lớn, đến khoảng tháng 08 năm 2017 thì vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay.

- Nay chị Huỳnh Thị Thùy L có ý kiến muốn xin ly hôn với anh thì ý kiến của anh như sau:

- *Về hôn nhân:* Đồng ý ly hôn với vợ tên Huỳnh Thị Thúy L.

- *Về việc nuôi con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Có 203.000.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu đồng) hiện nay chị L đang quản lý, anh N yêu cầu chia đôi số tiền trên nhưng anh N xác định anh không yêu cầu xem xét trong vụ này nếu có yêu cầu, anh sẽ khởi kiện chị L thành vụ án khác.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị Thúy L xin được ly hôn với anh Trần Văn N nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thúy L xin được ly hôn với anh Trần Văn N đều xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng hai người không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Và tại biên bản xác nhận ngày 18/4/2018 của UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp xác nhận từ năm 2009 anh Năng và chị Lan có chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã là thật. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị L và anh N làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Thúy L và Trần Văn N xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về quan hệ nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thúy L và Trần Văn N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N xác định có số tiền là 203.000.000đ (Hai trăm lẻ ba triệu đồng) là số tiền bán nhà còn lại hiện nay chị L đang quản lý, anh N yêu cầu chia đôi số tiền này mỗi người được 101.500.000đ (một trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng). Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh N không có làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của mình, mặc khác Tòa án cũng ra thông báo số: 01/2018/TB-TA, ngày 10/05/2018 để yêu cầu anh N làm thủ tục yêu cầu phản tố

của mình nhưng anh Năng vẫn không có thực hiện làm thủ tục phản tố theo quy định của pháp luật, hơn nữa tại phiên tòa hôm nay anh N xác định nếu có yêu cầu thì anh N sẽ khởi kiện chị Lan thành 01 vụ án khác, anh không yêu cầu xem xét trong vụ này. Do đó yêu cầu của anh năng không có căn cứ để HĐXX xem xét. Nếu anh N có căn cứ thì anh N có thể khởi kiện chị L thành một vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1, ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sư.

Buộc Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003683, ngày 20 - 4 - 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 01 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 14, 16, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Thúy L và Trần Văn N không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Lan, anh Năng có quyền đăng ký kết hôn mới theo quy định của luật hôn nhân & gia đình khi án có hiệu lực pháp luật. .

2- Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Thúy L và Trần Văn N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***3- Về quan hệ tài sản chung*:** Chị L xác định không có nên không yêu cầu xem xét. Anh N xác định có 203.000.000đ (hai trăm lẻ ba triệu đồng) hiện nay chị

L đang quản lý. Do anh N xác định không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4- Về quan hệ nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thúy L và Trần Văn N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5- Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003683, ngày 20 - 4 - 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận*:**
- ***TAND Tỉnh Kiên Giang;***
- ***VKS Huyện Châu Thành;***
- ***Các đương sự;***
- ***Lưu.***

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách